

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ - ST

Ngày 28/10/2021.

(*V/v Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình*)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Quốc Trị, ông Hà Xuân Ninh.

Thư ký phiên tòa: ông Đoàn Thanh Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2021/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST- HNGĐ, ngày 29/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Hà Văn L, sinh năm 1954, tên gọi khác: Không.

Bị đơn: bà Đinh Thị D, sinh năm 1962, tên gọi khác: Không.

Đều trú tại: thôn 5 V, xã G, huyện G, tỉnh N.

Ông L vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt. Bà D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2021 và bản tự khai, nguyên đơn ông Hà Văn L trình bày: Tôi và bà Đinh Thị D được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 18/7/2018 tại UBND xã G, huyện G. Sau khi kết hôn, bà D về chung sống với tôi tại gia đình tôi ở thôn 5 Vũ Nhì, xã G, huyện G. Vợ chồng về sống chung với nhau mới xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà D luôn ghen tuông vô cớ rồi có những lời nói, hành động gây ảnh hưởng lớn tới danh dự, uy tín của tôi và gia đình tôi khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi chửi nhau. Mặt khác tính cách giữa hai người có sự khác biệt lớn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên

không có hạnh phúc với nhau. Đến hơn 1 năm nay chúng tôi đã sống ly thân không còn quan tâm tới nhau nữa. Nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa tôi và bà Đinh Thị D đã đến mức thật sự trầm trọng không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện G giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Đinh Thị D.

Về con chung: Chúng tôi không có nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chúng tôi không có nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét.

Tại bản tự khai ngày 20/7/2021, bị đơn bà Đinh Thị D trình bày: Tôi và ông Hà Văn L được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện G vào ngày 18/7/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn 5 V, xã G, huyện G. Trong thời gian chung sống do nghi ngờ ông L có quan hệ bất chính với người đàn bà khác nên giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau, nhiều lần ông L đã đuổi tôi về nhà mẹ đẻ khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Tôi nghĩ vợ chồng chúng tôi đến với nhau để mong nương tựa nhau lúc tuổi già nên tôi không đồng ý ly hôn, những mâu thuẫn trên có thể khắc phục được. Nếu ông L vẫn kiên quyết xin ly hôn đó là quyền của ông L.

Về con chung: Chúng tôi không có con chung với nhau nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét.

Về tài sản và công nợ chung: Chúng tôi không có nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên toà bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử cho ông Hà Văn L được ly hôn với bà Đinh Thị D; về án phí: Ông Hà Văn L được miễn án phí sơ thẩm ly hôn. Trả lại cho ông Hà Văn L số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Đinh Thị D có địa chỉ tại thôn 5 Vũ xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 BLTTDS để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa ông Hà Văn L và bà Đinh Thị D là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn hai người chung sống với nhau tại thôn 5 V, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng khi về chung sống với nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo sự trình bày của các đương sự cũng như qua xác minh tại cơ sở là do bà D hay ghen tuông vô cớ rồi có những lời nói, hành động không đúng mực gây mất đoàn kết trong gia đình, họ hàng, bạn bè ông L. Ông L khẳng định hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ông đã đến mức thật sự trầm trọng không khắc phục được, ông không còn yêu thương bà D nữa. Bản thân bà D cũng khẳng định do ghen tuông nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn với nhau và nhiều lần ông L đã đuổi bà về nhà mẹ đẻ. Tuy bà D không đồng ý ly hôn với ông L nhưng bà D vắng mặt tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ. Điều đó chứng tỏ bà D không có thiện chí thực sự hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Hà Văn L và bà Đinh Thị D đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của ông Hà Văn L, xử cho ông Hà Văn L được ly hôn với bà Đinh Thị D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Ông Hà Văn L và bà Đinh Thị D không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Ông L và bà D đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Hà Văn L là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm ly hôn. Trả lại cho ông Hà Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ông Hà Văn L được ly hôn với bà Đinh Thị D.

2. Về án phí: Ông Hà Văn L được miễn án phí sơ thẩm ly hôn. Trả lại cho ông Hà Văn L số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2021/0003916, ngày 05/5/2021.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Chi cục THADS G;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Quốc